

PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐÁK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-UBND)

ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk)

I. Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (được công bố tại Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh):

1. Thủ tục: Công chứng bản dịch.

Phương án đơn giản hóa: Mức thu “50.000 đồng/trang đối với bản dịch thứ nhất” theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP là quá cao, vì ngoài việc nộp lệ phí công chứng, công dân còn phải chi trả thù lao dịch thuật cho người dịch; hơn nữa mức thu này áp dụng chung cho các loại tài liệu đơn giản cũng như phức tạp là không phù hợp, cụ thể như: trường hợp công chứng bản dịch là Sổ hộ khẩu có 10 trang (đây là loại tài liệu đơn giản, vì các trang tài liệu có nội dung dịch tương tự nhau), thì công dân phải trả 500.000 đồng cho bản dịch đầu (chưa kể thù lao dịch thuật khoảng 300.000 đồng và lệ phí thu đối với bản dịch thứ hai trở lên nếu có yêu cầu). Như vậy, đối với loại tài liệu đơn giản này mà công dân phải trả gần 1.000.000 đồng là quá cao.

Trong khi đó, nếu việc chúng thực bản dịch này được thực hiện tại Phòng Tư pháp cấp huyện thì mức thu này không quá 10.000 đồng (theo Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP).

Như vậy, cùng một sự việc, nhưng mức thu tại các tổ chức công chứng lại chênh lệch quá lớn so với mức thu tại Phòng Tư pháp cấp huyện, dẫn đến hiện tượng công dân chỉ lựa chọn nơi có mức thu thấp hơn và làm ảnh hưởng “mục tiêu xã hội hóa việc công chứng” nhằm tạo điều kiện cho công dân có nhiều nơi để lựa chọn thực hiện.

Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi quy định Khoản 4, Điều 1, Thông tư liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP theo hướng giảm sâu về mức thu lệ phí công chứng bản dịch cho phù hợp.

2. Thủ tục: Đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư.

Phương án đơn giản hóa: Hiện nay pháp luật chưa có quy định về việc thu lệ phí đối với các trường hợp đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật. Do đó, cần có quy định về việc thu phí này cho phù hợp.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo hướng bổ sung quy

định về “thu lệ phí đối với các trường hợp đăng ký hoạt động của Văn phòng luật sư, Công ty luật”.

II. Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (được công bố tại Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh):

1. Thủ tục: Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài; đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc.

Phương án đơn giản hóa: Tại Khoản 1, Điều 28, Luật Hộ tịch có quy định “Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch”. Vậy, giấy tờ liên quan phải nộp khi thực hiện TTHC này là những loại giấy nào là chưa rõ ràng? Việc quy định như trên dẫn tới tình trạng cán bộ, công chức khi thực hiện TTHC đòi hỏi nhiều loại giấy tờ, gây khó khăn cho người dân khi thực hiện TTHC, Ví dụ như: đòi hỏi thêm các loại giấy tờ như “Giấy cam đoan; xác nhận của cơ quan công an...”. Do đó, cần quy định cụ thể loại giấy tờ nào cần phải nộp khi thực hiện TTHC này, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện TTHC và để công chức áp dụng thực hiện thống nhất.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Khoản 1, Điều 28 Luật Hộ tịch theo hướng quy định cụ thể về “giấy tờ liên quan” cần phải nộp khi thực hiện TTHC này.

2. Thủ tục: Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài

Phương án đơn giản hóa: Tại Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP có quy định “Việc đăng ký lại khai sinh, kết hôn chỉ được thực hiện nếu người có yêu cầu còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại”. Quy định này gây bất cập trên thực tế, vì trong trường hợp, một bên vợ hoặc chồng đã chết nhưng bên còn lại vẫn có nhu cầu đăng ký lại Giấy chứng nhận kết hôn để chứng minh quan hệ vợ chồng nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân như: thừa kế tài sản ... Tuy nhiên quy định này lại không cho phép đăng ký lại việc kết hôn khi một bên vợ hoặc chồng đã chết.

Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP theo hướng cho phép “khi một bên vợ hoặc chồng đã chết thì bên còn lại nếu có nhu cầu vẫn được đăng ký lại Giấy chứng nhận kết hôn”.

III. Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (được công bố tại Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 8/4/2016 của UBND tỉnh):

1. Thủ tục: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định khoản 2, Điều 14, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, thì việc “chứng thực bản sao từ bản chính không thực hiện lưu trữ”. Tuy nhiên, cần quy định việc lưu trữ để phục vụ cho công tác thanh tra,

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 3662/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đăk Lăk, ngày 09 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk qua rà soát năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC);

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/2/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC;

Căn cứ Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của UBND tỉnh Kế hoạch hoạt động và ngân sách dành cho cải cách hành chính nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 28/01/2016 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 76/TTr-STP ngày 18 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk qua rà soát năm 2016, cụ thể như sau:

- Thông qua 06 phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tư pháp (*tại Phụ lục số 01 kèm theo*).
- Thông qua 07 phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư (*tại Phụ lục số 02 kèm theo*).
- Thông qua 15 phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Giao thông vận tải (*tại Phụ lục số 03 kèm theo*).
- Thông qua 06 phương án đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (*tại Phụ lục số 4 kèm theo*).

Điều 2. Trên cơ sở phương án đơn giản hóa được thông qua tại Quyết định này, yêu cầu Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động tham mưu UBND tỉnh có văn bản kiến nghị Bộ

Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan có thẩm quyền khác (*nếu có*) thực thi sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTHC thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

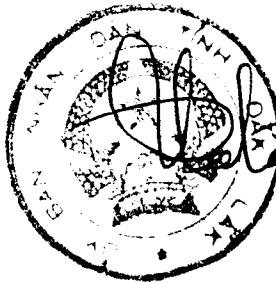
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *✓*

Nơi nhận

- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Như Điều 3;
- Các Sở: Tư pháp; TN&MT; GTVT; KH&ĐT;
- Các phòng: TH, NNMT, CN;
- Lưu VT, NC (*15/04/2017*)

15.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Cảnh

kiểm tra, vì việc thu phí được thực hiện đối với từng trang tài liệu, và nếu không lưu trữ sẽ không có cơ sở xác định số trang đã được thu phí.

Kiến nghị thực thi: Cần bãi bỏ quy định “chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ” Khoản 2, Điều 14, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

2. Thủ tục: Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Phương án đơn giản hóa: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (GXNTTHN) được cấp nhằm mục đích chứng minh tình trạng hôn nhân của công dân. Và công dân sử dụng giấy này cho mục đích gì là quyền của công dân vì pháp luật không cấm. Tuy nhiên, tại các Mẫu tờ khai và GXNTTHN được ban hành tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp có yêu cầu ghi rõ về “Mục đích sử dụng GXNTTHN”. Trên thực tế, việc ghi rõ mục đích như quy định trên làm hạn chế quyền sử dụng Giấy này của công dân, gây phiền hà cho công dân.

Ví dụ: Trong quá trình vay vốn, ngân hàng yêu cầu công dân làm GXNTTHN, và công dân khi xin cấp giấy này được yêu cầu ghi rõ mục đích “để vay vốn”. Sau đó, khi công dân có nhu cầu đăng ký kết hôn thì Giấy này không được chấp nhận, vì vậy công dân buộc phải đi xin cấp giấy khác và ghi rõ “để kết hôn”. Như vậy, vô hình chung việc ghi rõ mục đích đã gây khó khăn cho công dân khi đi thực hiện TTHC, làm hạn chế quyền của công dân khi sử dụng giấy xác nhận này.

Kiến nghị thực thi: Cần bỏ quy định ghi rõ mục đích sử dụng trong các biểu mẫu tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP cho phù hợp.



PHỤ LỤC 02

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK (Ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lăk)

Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư (được công bố tại Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh):

1. Thủ tục: Đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí.

Phương án đơn giản hóa: Ở địa phương, thủ tục này được công bố trên cơ sở Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là không còn phù hợp. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, do đó cần áp dụng thống nhất Nghị định này.

Kiến nghị thực thi: Cần xem xét hủy bỏ Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; đồng thời có văn bản chỉ đạo các địa phương thực hiện đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

2. Các thủ tục:

- Đăng ký hoạt động đối với chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí.

- Đăng ký hoạt động đối với văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí.

- Đăng ký hoạt động đối với địa điểm kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí.

Phương án đơn giản hóa: Các thủ tục này được công bố trên cơ sở Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập là không còn phù hợp, vì Công văn số 3831/BKH-PTDN chỉ là văn bản hành chính thông thường có chứa nội dung quy phạm pháp luật.

Kiến nghị thực thi: Cần hủy bỏ Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; và ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ và các văn phòng đại diện.

3. Các thủ tục:

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

- Thẩm định điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Phương án đơn giản hóa: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và các văn bản liên quan không quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đối với việc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần có quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết cho cụ thể, tạo thuận tiện cho việc áp dụng thực hiện.

Kiến nghị thực thi: Nghị định số 63/2014/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định rõ về thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết đối với thủ tục “Thẩm định điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư” cho cụ thể, tạo thuận tiện cho việc áp dụng thực hiện.

4. Thủ tục: Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

- Phương án đơn giản hóa 1: Theo Khoản 2, Điều 25, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường” là cơ sở cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Tuy nhiên, tại khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư năm 2014 không quy định trong thành phần hồ sơ phải có “quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường”.

Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi Khoản 1, Điều 33, Luật Đầu tư năm 2014 theo hướng đối với những dự án phải có đánh giá tác động môi trường theo quy định thì phải có “quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường” cho phù hợp.

- Phương án đơn giản hóa 2: tại Khoản 1 Điều 62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP có quy định “Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 33 Nghị định này tại Cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...”. Như vậy, khi được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì các giấy tờ được cấp trước đó bao gồm “...Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương...” cần phải thu hồi để tránh hiện tượng tồn tại nhiều giấy tờ có giá trị khác nhau. Tuy nhiên hiện nay chưa có quy định nào về việc thu hồi này.

Kiến nghị thực thi: Đối với các trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1, Điều 62, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư cần thu hồi “...Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương...” để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, tránh việc tồn tại nhiều loại giấy tờ chứng nhận có giá trị trong một dự án đầu tư.

5. Các thủ tục:

- Đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân

- Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH có hai thành viên trở lên.
- Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần
- Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh

Phương án đơn giản hóa:

Điều 29, Luật Doanh nghiệp, nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN), gồm: *Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân; Vốn điều lệ.*

Nhưng không có nội dung thể hiện về “ngành nghề kinh doanh”. Tuy nhiên, lĩnh vực kinh doanh cần được thể hiện rõ trên GCNĐKDN, vì thông qua Giấy này, doanh nghiệp sẽ biết được đối tác của mình có đang kinh doanh, hoạt động đúng lĩnh vực mà mình muốn hợp tác hay không. Do đó cần đưa nội dung mã ngành đăng ký kinh doanh vào trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho phù hợp.

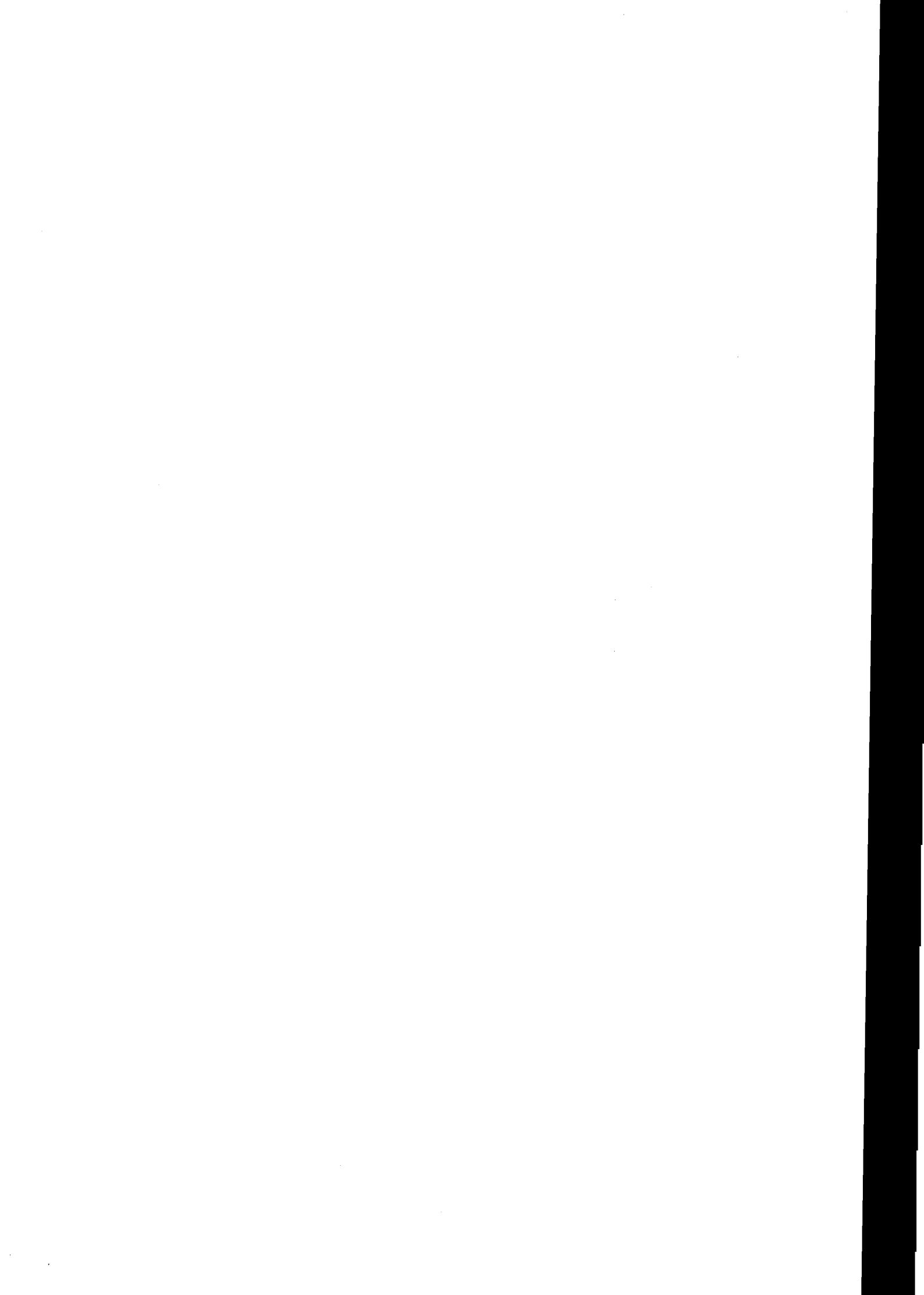
Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi Điều 29, Luật Doanh nghiệp theo hướng bổ sung mã ngành nghề kinh doanh cho phù hợp.

6. Các thủ tục:

- Đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty, tỷ lệ góp vốn.
- Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

Phương án đơn giản hóa: Các thủ tục này được thực hiện trên cơ sở quy định tại các Điều 68, 72, 87, 111 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 44, 50 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; tuy nhiên thời hạn giải quyết hồ sơ chưa được pháp luật quy định. Do đó, cần quy định rõ về thời hạn giải quyết hồ sơ để có cơ sở thực hiện.

Kiến nghị thực thi: cần sửa đổi Điều 44, 50, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP theo hướng quy định rõ thời gian giải quyết hồ sơ TTHC khi doanh nghiệp nộp hồ sơ cho phù hợp.



PHỤ LỤC 03

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số 566/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk)

Các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (được công bố tại Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND tỉnh):

1. Thủ tục: Công bố lại Trạm dừng nghỉ

Phương án đơn giản hóa: Tại điểm 3.1.3.2, mục III, Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 15/11/2012 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ, thì “trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày, đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền”.

Tuy nhiên, mục đích của việc công bố lại này là chưa được làm rõ; và nhiều ý kiến cho rằng việc công bố lại là không cần thiết và gây phiền hà cho đơn vị kinh doanh, khai thác. Do đó, thay vì công bố lại, thì chỉ cần quy định việc kiểm tra định kỳ để trên cơ sở đó, đơn vị kinh doanh nào không đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu đặt ra thì bị xử lý theo quy định.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi mục III, Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT theo hướng chỉ quy định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác một lần, chứ không công bố lại như quy định trên; và bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ, định kỳ đối với các trạm dừng nghỉ.

2. Thủ tục: Công bố lại bến xe khách.

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định tại điểm 3.1.2.2. mục III, Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012, việc công bố lại bến xe khách được thực hiện trong 2 trường hợp:

Một là, sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách.

Hai là, trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

Để tạo điều kiện cho đơn vị kinh doanh, nhiều ý kiến cho rằng chỉ nên công bố một lần, và chỉ công bố lại khi có những thay đổi làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại. Thay vì khi hết hạn phải công bố lại, thì nên quy định về thời gian kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng, trên cơ sở đó bến xe khách nào không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn thì xử lý theo quy định. Quy định này phù hợp với xu thế chung về cải cách hành chính là tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhưng tăng cường hậu kiểm.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi mục III, Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT theo hướng chỉ quy định công bố bến xe khách một lần, và chỉ công bố lại khi có những thay đổi làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại; đồng thời tăng cường trách nhiệm kiểm tra chặt chẽ, định kỳ đối với các bến xe khách.

3. Thủ tục: Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

Phương án đơn giản hóa: Tại khoản 1, Điều 21, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 có quy định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh phải có “bản sao có chứng thực **văn bằng, chứng chỉ** của người trực tiếp điều hành vận tải”. Ở đây không quy định rõ về “văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn, lĩnh vực gì” là không rõ ràng, không thể hiện được mục đích phải nộp văn bằng, chứng chỉ này để làm gì (?).

Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi Điều 21, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP quy định rõ yêu cầu văn bằng, chứng chỉ về lĩnh vực, chuyên môn gì, hoặc bỏ quy định này cho phù hợp (vì nếu nộp văn bằng gì cũng được thì không cần thiết phải nộp).

4. Thủ tục: Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Phương án đơn giản hóa: Tại Khoản 4, Điều 21, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 có quy định trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh trong trường hợp bị mất phải có “văn bản xác nhận của Công an xã, phường...”. Ở đây chưa quy định về nơi báo mất là Công an thị trấn.

Ngoài ra, trong Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải chưa có mẫu đơn đề nghị cấp lại; do đó, cần ban hành bổ sung mẫu đơn này cho đầy đủ.

Kiến nghị thực thi:

- Cần sửa đổi Khoản 4, Điều 21, Nghị định số 86/2014/NĐ-CP theo hướng bổ sung “Công an thị trấn” cho đầy đủ.

- Cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT theo hướng ban hành bổ sung mẫu đơn đề nghị cấp lại.

5. Các thủ tục:

- Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải thương mại (cấp mới, gia hạn, hư hỏng, mất).

- Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định tại Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT, thì trường hợp cấp lại, đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp hồ sơ cấp lại giống như hồ sơ xin cấp lần đầu. Như vậy có nghĩa là phải nộp lại các giấy tờ đã nộp trước đó. Quy định này có thể đơn giản hóa theo hướng chỉ nộp đầy đủ các giấy tờ như lần đầu khi giấy phép hết hạn. Còn trong trường hợp do hư hỏng, hoặc mất thì chỉ cần nộp đơn đề nghị cấp lại.

Kiến nghị thực thi: Cần sửa đổi Khoản 3, Điều 13, Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT theo hướng, đổi với trường hợp xin cấp lại do hư hỏng, hoặc mất thì chỉ cần nộp đơn đề nghị cấp lại (vì cơ quan cấp giấy phép vẫn còn lưu giữ các giấy tờ cần thiết trong thành phần hồ sơ).

6. Thủ tục: Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Phương án đơn giản hóa: TTHC được công bố trên cơ sở Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nội dung có liên quan trong Quyết định này không còn phù hợp với Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, như: thành phần hồ sơ không còn “Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ...và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan”, hoặc về thời hạn giải quyết chỉ còn “trong 07 ngày làm việc”. Do đó, cần sửa đổi bổ sung Quyết định này cho phù hợp.

Kiến nghị thực thi: cần rà soát lại toàn bộ nội dung cầu Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND để sửa đổi lại cho phù hợp với Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

7. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép lái xe

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định tại Khoản 9, Điều 49, Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT thì “người có giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng, nhưng **không còn hồ sơ gốc** thì nếu có nhu cầu được **lập lại hồ sơ gốc**”. Như vậy đây là thủ tục yêu cầu “lập lại hồ sơ gốc”, chứ không phải thủ tục “xin cấp lại giấy phép lái xe”. Tuy nhiên. Trong thành phần hồ sơ lại yêu cầu công dân nộp “Đơn đề nghị đổi, cấp lại giấy phép lái xe” là không phù hợp.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 9, Điều 49, Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT theo hướng yêu cầu công dân nộp “Đơn đề nghị lập lại hồ sơ gốc” và sửa lại tên gọi của TTHC cho phù hợp với nội dung yêu cầu của TTHC.

8. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4.

Phương án đơn giản hóa: Các quy định về cấp giấy phép đào tạo lái xe đã được thay đổi và quy định tại Nghị định 65/2016/NĐ-CP. Do đó, cần bãi bỏ nội dung này trong Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị bãi bỏ các nội dung liên quan đến cấp, cấp lại giấy phép đào tạo lái xe trong Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe (loại 3).

Phương án đơn giản hóa: Các quy định về cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch đã được thay đổi và quy định tại Nghị định 65/2016/NĐ-CP. Do đó, cần bãi bỏ nội dung này trong Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT.

Kiến nghị thực thi: đề nghị bãi bỏ các nội dung liên quan đến cấp, cấp lại cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch trong Thông tư số 58/2015/TT-BGTVT.

10. Thủ tục: Cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa

Phương án đơn giản hóa: TTHC này được thu lệ phí với mức là “40.000” đồng theo quy định tại Thông tư số 47/2005/TT-BTC là quá thấp. Do đó, cần nâng mức thu này lên cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Kiến nghị thực thi: sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC theo hướng nâng mức thu đối với trường hợp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa cho phù hợp với thực tế hiện nay.

11. Thủ tục: Đăng ký màu sơn đặc trưng đối với xe buýt

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT thì để đăng ký màu sơn đối với xe buýt, doanh nghiệp phải có Giấy đăng ký gửi đến Sở Giao thông vận tải để xác nhận việc đăng ký đó. Tuy nhiên, TTHC chưa được quy định cụ thể về “thời gian thực hiện”. Do đó, cần bổ sung cho phù hợp.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 27, Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải theo hướng quy định rõ về thời gian thực hiện đối với TTHC này.

12. Các thủ tục:

- Đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu.
- Thủ tục sang tên (mua, bán, cho, tặng, thừa kế) xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.
- Thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
- Thủ tục đăng ký sang tên (mua, bán, cho, tặng, thừa kế) xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố khác chuyển đến.
- Thủ tục di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng sang tỉnh, thành phố khác không thay đổi chủ sở hữu.

Phương án đơn giản hóa: Tại khoản 1, Điều 17, Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT có quy định “Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu **có xác nhận chữ ký của UBND xã, phường, thị trấn**; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó”. Việc quy định giấy ủy quyền phải có xác nhận của UBND cấp xã là không đầy đủ và không còn phù hợp, vì hiện nay theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì việc chứng thực chữ ký có thể được thực hiện tại Phòng Tư pháp và các tổ chức hành nghề công chứng.

Kiến nghị thực thi: sửa đổi khoản 1, Điều 17, Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT theo hướng sửa quy định “**có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của UBND xã, phường, thị trấn**” thành “**có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký theo quy định**”.

13. Thủ tục: Đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng

Phương án đơn giản hóa: Tại Điều 11 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT có quy định trong thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục này có “Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam” là không cần thiết. Do đó, cần bỏ giấy này để tạo thuận tiện hơn cho việc đăng ký xe.

Kiến nghị thực thi: Cần sửa Điều 11 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT theo hướng bỏ quy định phải nộp “Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam” trong thành phần hồ sơ phải nộp.

14. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô

Phương án đơn giản hóa: Hiện nay chưa có quy định về thu lệ phí đối với việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô. Do đó cần bổ sung cho đầy đủ.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 73/2012/TT-BTC theo hướng bổ sung quy định về thu lệ phí đối với việc cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô.

15. Thủ tục: - Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.

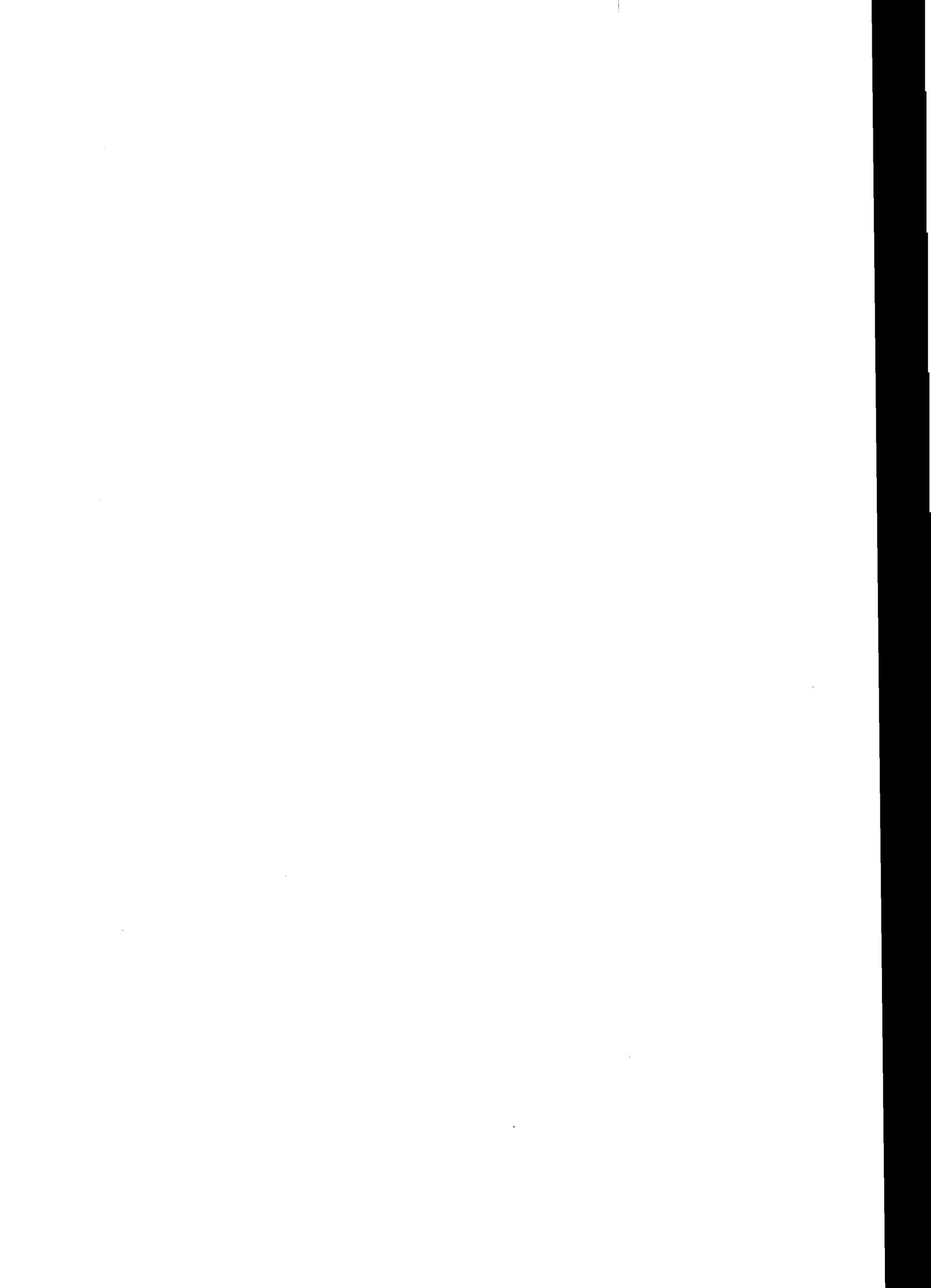
- Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.

- Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.

- Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.

Phương án đơn giản hóa: Các TTHC này được thu lệ phí với mức là “70.000” đồng theo quy định tại Thông tư số 47/2005/TT-BTC là không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 47/2005/TT-BTC theo hướng nâng mức thu đối với trường hợp Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa cho phù hợp với thực tế hiện nay.



PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk)

I. Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (được công bố tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 07/4/2015 của UBND tỉnh):

1. Các thủ tục:

- **Thẩm định nhu cầu sử dụng đất** để xem xét giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ...

- **Giao đất**, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo ...

Phương án đơn giản hóa: Thủ tục “thẩm định nhu cầu sử dụng đất...” và thủ tục “giao đất, cho thuê đất...” được quy định tại Điều 68, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và các Điều 3, 4, 5, 6, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT. Theo đó, người xin giao đất, thuê đất, xin phép chuyển mục đích sử dụng đất nộp hồ sơ thẩm định tại cơ quan tài nguyên và môi trường trước khi nộp hồ sơ xin giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Như vậy, để “được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất”, người có nhu cầu phải thực hiện **02** thủ tục: *một là*, thủ tục “đề nghị thẩm định nhu cầu”; *hai là*, thủ tục “xin giao đất, thuê đất, xin phép chuyển mục đích sử dụng đất”.

Quy định nêu trên dẫn đến phiền hà và không cần thiết, vì việc thẩm định chỉ là công việc của cơ quan nhà nước phải thực hiện trước khi quyết định cho người có nhu cầu được “giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất”, chứ không phải là 01 thủ tục riêng biệt. Và suy cho cùng thì việc thẩm định và phê duyệt cũng chỉ hướng đến 01 kết quả là quyết định về việc “giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất”. Do đó, nên gộp 02 thủ tục “đề nghị thẩm định nhu cầu” và “xin giao đất, thuê đất, xin phép chuyển mục đích sử dụng đất” thành 01 TTHC cho phù hợp hơn.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 68, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, và các Điều 3 đến 6, Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT theo hướng gộp 02 thủ tục “đề nghị thẩm định nhu cầu” và “xin giao đất, thuê đất, xin phép chuyển mục đích sử dụng đất” thành 01 TTHC.

2. Thủ tục: Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Phương án đơn giản hóa: Đối với trường hợp “chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, ...”: về thành phần hồ sơ, tại Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT có quy định nộp “văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhân góp vốn, ...” là chưa rõ ràng, vì không xác định “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” là cơ quan nào?

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 9, Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT theo hướng xác định rõ “cơ quan nhà nước có thẩm quyền” là cơ quan nào?

3. Thủ tục: Cấp đổi, cấp lại, đính chính, thu hồi giấy chứng nhận.

Phương án đơn giản hóa: Đối với trường hợp đính chính: Pháp luật chưa quy định rõ thời hạn giải quyết là chưa rõ ràng.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định về thời hạn giải quyết đối với trường hợp đính chính Giấy chứng nhận do sai sót.

4. Thủ tục: Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

Phương án đơn giản hóa: Tại Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT có quy định Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp và điều kiện “Bị mất; bị rách nát, hư hỏng; và tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất bốn mươi lăm ngày”. Theo quy định trên, có thể hiểu “tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực ít nhất bốn mươi lăm ngày” là điều kiện được cấp lại. Vậy trong trường hợp “giấy phép đã được cấp còn hiệu lực **dưới** bốn mươi lăm ngày” thì thực hiện như thế nào? Trường hợp này pháp luật chưa quy định rõ nên không thực hiện được.

Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT theo hướng “trường hợp giấy phép đã được cấp còn hiệu lực dưới bốn mươi lăm ngày thì thực hiện như trường hợp đề nghị cấp mới”.

5. Thủ tục: Thẩm định dự án, đề cương, thiết kế kỹ thuật – dự toán các công trình đo đạc lập bản đồ địa chính.

Phương án đơn giản hóa: Tại Điều 21, Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT có quy định “Khi thực hiện đo đạc bản đồ địa chính phải lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định nào quy định rõ về trình tự, thủ tục thực hiện.

Kiến nghị thực thi: cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT theo hướng quy định rõ về trình tự, thủ tục thực hiện thủ tục thẩm định dự án, đề cương, thiết kế kỹ thuật – dự toán các công trình đo đạc lập bản đồ địa chính.

II. Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (được công bố tại Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh):

Các thủ tục liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chuyển nhượng cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đăng ký biến động; tách thửa, hợp thửa; cấp đổi, cấp lại, đính chính quyền sử dụng đất.

Phương án đơn giản hóa: Theo quy định tại khoản 2, Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì người sử dụng đất “có thể nộp hồ sơ tại UBND cấp xã để thực hiện TTHC”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của UBND cấp xã, trình tự, thời gian thực hiện tại UBND cấp xã như thế nào, dẫn đến trên thực tế rất ít trường hợp nộp tại UBND cấp xã mà nhận được kết quả TTHC. Ngược lại, các hồ sơ TTHC nộp tại UBND cấp xã thường bị kéo dài, thất lạc, yêu sách mà không quy định trách nhiệm cụ thể của công chức có liên quan. Do đó, không nên tiếp tục việc nộp hồ sơ thực hiện tại UBND cấp xã mà chỉ quy định một đầu mối nộp hồ sơ tại UBND cấp huyện.

Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2, Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP theo hướng bãi bỏ quy định về việc nộp hồ sơ thực hiện TTHC tại UBND cấp xã.

